

BÁO CÁO

**Kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2021
của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác cải cách hành chính (CCHC), Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch CCHC

Ngay sau khi Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ năm 2021, Bộ TN&MT đã tập trung xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC chung năm 2021 của Bộ¹, gồm 80 nhiệm vụ/hoạt động CCHC bao quát 7 nội dung về CCHC.

Tiếp đó, Bộ đã ban hành các kế hoạch thành phần về CCHC²; bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC năm 2021; hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác CCHC năm 2021³.

Đến nay, 100% các đơn vị trực thuộc Bộ đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2021 và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Bộ TN&MT đã xây dựng Chương trình hành động của ngành TN&MT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của

¹ Quyết định số 3055/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ TN&MT về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2021;

² Quyết định số 3118/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020 ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức cán bộ và cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 159/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021 ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC của Bộ TN&MT năm 2021; Quyết định số 123/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2021 ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của Bộ TN&MT; Quyết định số 3117/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020 ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021 của Bộ TN&MT; Quyết định số 76/QĐ-BTNMT ngày 15/01/2021 Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021 của Bộ TN&MT. Quyết định số 2950/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2020 phê duyệt Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2021 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TN&MT; Quyết định số 187/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2021 phê duyệt Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về TN&MT và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TN&MT năm 2021;

³ Công văn số 7489/BTNMT-TCCB ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ năm 2021.

Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021⁴, trong đó đã yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành TN&MT đã đề ra trong năm 2021. Bộ TN&MT tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC theo các kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra. Lãnh đạo Bộ đã tổ chức làm việc với từng lĩnh vực, từng đơn vị để chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cho giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, trong đó có các nhiệm vụ về CCHC.

3. Công tác tuyên truyền CCHC

Bộ đã ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC của Bộ năm 2021⁵ gồm 08 nhóm nhiệm vụ: cập nhật các văn bản chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Bộ, ngành và thông tin về các hoạt động CCHC của Bộ; thiết lập kênh tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức về các quy định liên quan đến CCHC; công khai các TTHC mới, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ thuộc thẩm quyền của Bộ; tổ chức các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ CCHC của Bộ; tuyên truyền trong các hội nghị, họp giao ban, hội thảo...; quán triệt và tuyên truyền mục đích, nội dung, nhiệm vụ CCHC của Bộ; đưa tin, bài viết về công tác CCHC của Bộ, tổ chức chương trình tọa đàm về CCHC...; chuẩn bị các nội dung tổ chức các sự kiện: ngày Nước thế giới, ngày Khí tượng thế giới vv...

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ, ngành và các tổ chức, cá nhân về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của công tác CCHC.

Tiếp tục theo dõi, tổng hợp thông tin các cơ quan thông tấn, báo chí phản ánh về các lĩnh vực liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tổng hợp, xử lý các vấn đề được báo chí, dư luận phản ánh về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn tuyên truyền báo chí cho các cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị thuộc Bộ.

4. Công tác kiểm tra CCHC

Bộ TN&MT đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức cán bộ và CCHC năm 2021⁶. Theo đó, Bộ sẽ tiến hành kiểm tra 12 đơn vị thuộc Bộ về công tác CCHC; 6 Sở TN&MT về công tác tổ chức cán bộ, có lồng ghép kiểm tra về nội dung CCHC, thời gian tiến hành kiểm tra bắt đầu từ quý II năm 2021.

⁴ Quyết định số 109/QĐ-BTNMT ngày 20/01/2021 về việc ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

⁵ Quyết định số 159/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021;

⁶ Quyết định số 3118/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020.

5. Công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2020

Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”; Quyết định số 17/QĐ-BNV ngày 07/01/2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 138/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2021 phê duyệt Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của Bộ và tổ chức triển khai thực hiện tự đánh giá, chấm điểm đảm bảo chính xác, khách quan theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Đến nay, Bộ đã hoàn thành tự đánh giá, chấm điểm CCHC năm 2020 của Bộ, gửi Bộ Nội vụ⁷.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

1. Cải cách thể chế

1.1. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Chương trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, trong năm 2021, Bộ sẽ xây dựng và ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 05 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 15 Thông tư; đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, đã hoàn thành việc lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Tổ soạn thảo và tổ chức các hoạt động xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trong Quý I/2021, Bộ đã tập trung xây dựng dự thảo các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tổ chức tổng kết việc thi hành Luật Đất đai năm 2013; phối hợp thực hiện tổng kết các Nghị quyết của Trung ương: Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 19-TW ngày 31/12/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa 11 về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạm nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

1.2. Về công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

Bộ đã tiến hành rà soát, công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần từ năm 2020 thuộc lĩnh

⁷ Văn bản số 866/BTNMT-TCCB ngày 26/02/2021 về việc tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2020.

vực quản lý nhà nước của Bộ⁸, trong đó, 83 văn bản quy phạm pháp luật ngưng hiệu lực toàn bộ, 04 văn bản quy phạm pháp luật ngưng hiệu lực một phần. Đồng thời, Bộ TN&MT đã ban hành Kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật về TN&MT năm 2021⁹.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Bộ trưởng Bộ TN&MT đã phê duyệt Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về TN&MT và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TN&MT năm 2021¹⁰, thực hiện đăng tải, giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật mới trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các đơn vị.

1.4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Bộ trưởng Bộ TN&MT đã phê duyệt Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021 của Bộ TN&MT¹¹. Theo đó, sẽ phổ biến, cập nhật, tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về TN&MT mới được ban hành gắn với đối thoại, tháo gỡ vướng mắc trong tổ chức thi hành pháp luật, trọng tâm là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020, sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Phổ biến, tham vấn và lấy ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về TN&MT được xây dựng trong năm 2021; Hướng ứng “Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (9/11) nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức chấp hành pháp luật TN&MT nói riêng.

1.5. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ

Ngày 05/02/2021, Bộ đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, thanh tra năm 2021 của Bộ¹². Trên cơ sở đó, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai xây dựng Chương trình công tác năm 2021.

Về công tác tiếp dân: trong Quý I năm 2021, Bộ đã tiếp 58 lượt công dân với 74 người, trong có 04 lượt đoàn đông người với 17 người; Lãnh đạo Bộ tiếp 07 lượt với 16 người; cán bộ tiếp dân thường xuyên tiếp 51 lượt với 58 người. So với cùng kỳ năm 2020, số lượt tiếp dân tăng 05 lượt, số đoàn đông người

⁸ Quyết định số 72/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2021 của Bộ trưởng Bộ TN&MT về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ TN&MT 06 tháng cuối năm 2020;

⁹ Quyết định số 2947/QĐ-BTNMT ngày 25/12/2021 Kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật về TN&MT năm 2021;

¹⁰ Quyết định số 187/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2021;

¹¹ Quyết định số 76/QĐ-BTNMT ngày 15/01/2021;

¹² Quyết định 262/QĐ-BTNMT ngày 05/02/2021 .

giảm 02 lượt và số người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Bộ giảm 83 người.

Nội dung tiếp công dân chủ yếu liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; cấp và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân và một số trường hợp tố cáo chính quyền địa phương. Công tác tiếp công dân được Bộ thực hiện theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Bộ TN&MT đã ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2021 của Bộ¹³, theo đó, Bộ tiếp tục thực hiện việc rà soát, kiểm soát các TTHC được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp pháp và sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch để giảm tối đa chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khi thực hiện TTHC.

2.1. Về đánh giá tác động TTHC, kết quả ban hành TTHC

Bộ đã thực hiện việc đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá tác động trong dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trong quý I/2021, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, trong đó có 10 thủ tục hành chính¹⁴; đồng thời, Bộ đã thẩm định 02 dự thảo Thông tư: (1) Thông tư quy định về quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đặc và bản đồ; (2) Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; công tác bay đo từ và trọng lực; công tác xác định hàm lượng một số nguyên tố hóa học bằng phương pháp ICP-MS, trước đó, nội dung dự thảo Thông tư không có thủ tục hành chính.

2.2. Rà soát quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 và ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ TN&MT tại cuộc họp ngày 15/3/2021, Bộ đã xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN&MT năm 2021 và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Thực hiện quy định về công bố TTHC, Bộ đã xây dựng dự thảo Quyết

¹³ Quyết định số 123/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2021;

¹⁴ Cụ thể: (1) Giao khu vực biển; (2) Công nhận khu vực biển; (3) Trả lại khu vực biển; (4) Gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; (5) Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển); bao gồm thẩm quyền Trung ương và Địa phương.

định công bố TTHC lĩnh vực biển và hải đảo theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/3/2021; xây dựng dự thảo 11 Quy trình nội bộ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

2.3. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, việc tiếp nhận TTHC tại Văn phòng một cửa thực hiện đúng quy định, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

Kết quả giải quyết TTHC: tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận: 1.252 hồ sơ (trực tuyến: 474 hồ sơ, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 778 hồ sơ); hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua: 1.434 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.633 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 1.053 hồ sơ.

2.4. Kết quả việc thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức

Trong quý I năm 2021, Bộ nhận được 784 lượt đơn thư (tương ứng với 388 vụ việc), trong đó: 745 đơn thuộc lĩnh vực đất đai, 16 đơn thuộc lĩnh vực môi trường và 13 đơn thuộc lĩnh vực khoáng sản. Trong 784 đơn Bộ nhận được, có 396 đơn trùng, không đủ điều kiện; số đơn thư phải xử lý là 388 vụ việc, có 03 vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao; 06 vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của Bộ; 05 vụ việc địa phương đã giải quyết hết thẩm quyền; 374 vụ việc đang thuộc thẩm quyền.

Đối với đơn thư không thuộc thẩm quyền đã được Bộ TN&MT hướng dẫn, chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định.

Qua Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ: Bộ đã tiếp nhận 160 phản ánh, kiến nghị của công dân; đã xử lý được 44 phản ánh, kiến nghị; 17 kiến nghị đang xử lý; phản ánh từ chối tiếp nhận 63, phản ánh chối thông tin 02; phản ánh chuyển sang đơn vị khác không thuộc thẩm quyền của Bộ 34 kiến nghị.

2.5. Xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng

Đường dây nóng của Bộ quản lý đã tiếp nhận 45 thông tin của người dân, đã phát hành 04 công văn yêu cầu các địa phương kiểm tra, xử lý theo quy định; đối với 41 thông tin có nội dung liên quan đến khiếu nại, kiến nghị, hỏi đáp đã được cán bộ tiếp nhận, hướng dẫn trực tiếp cho công dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Bộ tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành, lĩnh vực TN&MT và dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về TN&MT

thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; xây dựng Đề án rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT giai đoạn 2021-2026.

Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên ngành TN&MT; định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính ngành TN&MT; Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định tại các Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và số 120/2020/NĐ-CP; Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp đối với các đơn vị trực thuộc Bộ năm 2021.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và chính sách tinh giản biên chế

Nhằm đổi mới mạnh mẽ lề lối, phương pháp làm việc, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; tích cực đấu tranh phòng, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Bộ đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác cán bộ; xây dựng dự thảo Thông tư quy định danh mục vị trí công tác, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành TN&MT.

Chỉ đạo, tổ chức rà soát, xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020 - 2021, 2021 – 2026; tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo quy định; đẩy mạnh công tác luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ; thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc Bộ nhằm kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu công tác của các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện công tác chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức; thực hiện các nhiệm vụ về tinh giản biên chế theo kế hoạch.

4.2. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Bộ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021¹⁵ của Bộ, theo đó, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ đã được ban hành tại Quyết định số 3117/QĐ-BTNMT.

Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025; báo cáo thực hiện Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục giai đoạn 2018 - 2020, báo cáo thực hiện Nghị định số 125/2011/NĐ-CP ngày 30/12/2011 của Chính phủ quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực

¹⁵ Quyết định số 3117/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021.

lượng vũ trang nhân dân. Hướng dẫn các trường đại học trực thuộc Bộ thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”.

Bộ đã cử 26 lượt công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

5. Cải cách tài chính công

Bộ TN&MT đã phân bổ vốn đầu tư công chi tiết cho các dự án¹⁶ giao kế hoạch và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc Bộ¹⁷ đảm bảo thời gian theo quy định.

Hoàn thiện thông tư về việc hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật ngành TN&MT để trình ban hành.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công như: sử dụng hiệu quả các phần mềm về quản lý tài sản và quản lý ngân sách nhà nước đã được đầu tư. Thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

6. Hiện đại hóa hành chính

Trong 3 tháng đầu năm 2021, Bộ đã cung cấp thông tin cho Hệ tri thức Việt số hóa theo đúng Quyết định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/5/2017 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”; xây dựng và thực hiện Chương trình chuyển đổi số TN&MT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ trưởng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

Bộ đã ban hành Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số TN&MT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, tiếp tục rà soát, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành TN&MT (phiên bản 2.0; triển khai, vận hành 24/7, bảo đảm hoạt động của môi trường làm việc điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết công vụ, CCHC và tiết kiệm kinh phí, đặc biệt phát huy hiệu quả to lớn, đáp ứng yêu cầu giãn

¹⁶ Quyết định số 3081/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc;

¹⁷ Quyết định số 3112/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

cách xã hội nhưng bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trong đợt bùng phát dịch Covid-19.

6.1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ

Các hệ thống thông tin được bảo đảm an toàn và an ninh thông tin, phòng chống tấn công được triển khai đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và các ứng dụng phần mềm. Trong quý I/2021, Bộ đã đảm bảo công tác an toàn an ninh thông tin của ngành, không để xảy ra sự cố.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 964/QĐ-BTNMT ngày 17/4/2019 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ TN&MT thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, thực hiện có hiệu quả, đúng thời hạn các đề án, dự án về phát triển Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số đã được phê duyệt.

Thực hiện chuyển đổi số ngành TN&MT trong bối cảnh chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để đạt được các chỉ tiêu đề ra, ngành TN&MT cơ bản vận hành trên nền tảng số, phương thức làm việc của ngành dựa vào phân tích, xử lý thông minh dữ liệu tổng hợp, đa ngành, góp phần quan trọng vào tiến trình xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động các đơn vị trực thuộc Bộ

Bộ đã có văn bản đôn đốc việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, đặc biệt là các cơ quan hành chính thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ, bảo đảm thực hiện kế hoạch chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 sang TCVN 9001:2015 tại các đơn vị trực thuộc Bộ theo đúng tiến độ tại Quyết định số 1192/QĐ-BTNMT ngày 13/4/2018 của Bộ. Chú trọng đến việc đôn đốc xây dựng các quy trình ISO đối với các thủ tục hành chính đã được công bố, do các đơn vị hành chính thuộc Bộ thực hiện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Bộ đã ban hành và hướng dẫn thực hiện các chương trình, kế hoạch về công tác CCHC nghiêm túc, đầy đủ, đúng thời gian quy định, từ đó có cơ sở để triển khai thực hiện công tác CCHC chất lượng, hiệu quả.

2. Lãnh đạo Bộ, các cấp ủy đảng và lãnh đạo đơn vị đã tập trung chỉ đạo các đơn vị triển khai nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch; ưu tiên các nguồn lực phục vụ CCHC; yêu cầu các đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém để công tác CCHC ngày càng thực chất và đạt hiệu quả cao.

3. Công tác CCHC đã thực sự được Đảng ủy Bộ, Lãnh đạo Bộ, các tổ chức đoàn thể và thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ quan tâm, phối hợp tốt để

chỉ đạo triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả; bố trí các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch đề ra.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II NĂM 2021

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tăng cường đổi mới, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2021; bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và hiệu quả trong việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và kế hoạch CCHC năm 2021; thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC 2021 của Bộ.

Thực hiện nghiêm túc việc chấm điểm hàng tháng/quý đối với Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức.

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về CCHC của Bộ; tổ chức và triển khai các phong trào thi đua thực hiện công tác CCHC; ban hành định hướng tuyên truyền năm 2021 của Bộ; chuẩn bị tổ chức ngày môi trường thế giới, ngày đại dương thế giới đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả. Tổ chức và triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng về công tác CCHC, cải cách TTHC trong lĩnh vực TN&MT; tiếp tục chỉ đạo các địa phương trong tổ chức thực thi quy trình, TTHC trong các lĩnh vực TN&MT.

Tiếp tục vận hành và duy trì thông suốt hoạt động các đường dây nóng: đường dây nóng tiếp nhận, giải quyết phản ánh của người dân, doanh nghiệp về tình trạng vi phạm pháp luật về TN&MT; đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai và những nhiễu trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường; kịp thời phát hiện và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc về tình hình vi phạm trong hoạt động quản lý về TN&MT tại trung ương và địa phương.

2. Về cải cách thể chế

Triển khai thực hiện nhiệm vụ Chương trình xây dựng và ban hành VBQPPL năm 2021 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo kế hoạch, chương trình đã đề ra.

Tiến hành tổ chức kiểm tra VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ, ngành; kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

3. Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC và kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC; tiếp tục thực hiện tốt việc kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, trình ban

hành các quy định, TTHC trong dự thảo VBQPPL, đặc biệt là trong dự thảo Thông tư của Bộ trưởng nhằm bảo đảm tuân thủ khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL; kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

Duy trì việc tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ; kiểm tra việc giải quyết TTHC của các đơn vị trực thuộc Bộ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định mới của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy và quy định về quản lý công chức, viên chức.

Hoàn thiện Đề án rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT giai đoạn 2021 - 2026; tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành, lĩnh vực TN&MT; xây dựng và triển khai Đề án “Kiện toàn về tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai” theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai.

Hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên ngành TN&MT; định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành TN&MT theo ý kiến của Bộ Nội vụ và dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về TN&MT thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, đảm bảo đúng với điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm được phê duyệt.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và ban hành các quy định, quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định; tổ chức rà soát, xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020 - 2021, 2021 - 2026; chỉ đạo thực hiện kế hoạch luân chuyển, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Bộ; chỉ đạo, tổ chức triển khai việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành TN&MT; tổ chức tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức cán bộ và CCHC của Bộ, của các đơn vị trực thuộc Bộ; kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở năm 2021; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Bộ; thực hiện công tác chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức; thực hiện các nhiệm vụ về tinh giản biên chế theo kế hoạch.

Triển khai công tác điều tra, khảo sát phục vụ việc xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng các chương trình, tài liệu bồi dưỡng thuộc lĩnh vực TN&MT. Đẩy mạnh tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công; sử dụng hiệu quả các phần mềm về quản lý tài sản và quản lý ngân sách nhà nước đã được đầu tư; thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS).

Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn tiếp theo cho các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và thẩm định, xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; tăng cường thực hiện công tác giám sát tài chính và xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc Bộ.

7. Hiện đại hóa hành chính

Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm Hệ thống quản lý, sử dụng văn bản điện tử đối với cán bộ, công chức, viên chức của Bộ kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia; thực hiện thẻ công chức điện tử của Bộ.

Tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4; tiếp tục tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số; cho phép thực hiện từ đầu đến cuối trên môi trường mạng, ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật. Tăng

tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC. Báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Bộ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

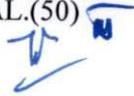
Hoàn thiện các ứng dụng CNTT chuyên ngành về TN&MT; tăng cường đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về CCHC thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị, hội thảo và trên Trang thông tin điện tử của Bộ; chú trọng đẩy mạnh thi đua, tuyên truyền các nội dung về công tác CCHC.

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 sang TCVN 9001:2015 tại các đơn vị theo kế hoạch.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I năm 2021 của Bộ TN&MT, kính gửi quý Bộ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

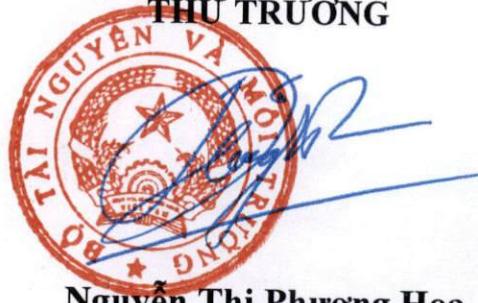
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Đảng ủy Bộ, Đảng ủy Khối cơ sở Bộ TN&MT tại TP Hồ Chí Minh, Công đoàn Bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội CCBCQ Bộ;
- Lưu: VT, TCCB, AL.(50)



KT. BỘ TRƯỞNG

THÚ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa

Phụ lục 1
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-BTNMT ngày /3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	80	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	04/80	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	32	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0/12	
1.2.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ CP, TTg giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	54	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	03	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	02	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Không = 0 Có = 1	1	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	38	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Kết hợp = 2		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
Trong đó	Số luật, pháp lệnh được thông qua	Văn bản	0	
	Số nghị định được ban hành	Văn bản	01	
	Số thông tư được ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL quy định chi tiết còn nợ đọng	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.6.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	12	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý	Thủ tục	228 (Trường hợp có VP ĐKĐ) 225 (Trường hợp không có VP ĐKĐ)	
Trong đó	Số TTHC cấp Trung ương:	Thủ tục	97	
	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	93 (Trường hợp có VP	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
			ĐKĐ) 90 (Trường hợp không có VP ĐKĐ)	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	37	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	01	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	44	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	44	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	09	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	01	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	47,7	51 TTHC/107 TTHC mức độ 3,4 đã cung cấp
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	39,2	
3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	84,94%	457/538
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	107	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	107	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tổng số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ		16	
Trong	<i>Số Vụ và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị	6	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Số Cục, Ban và tổ chức tương đương	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số Tổng cục và tổ chức tương đương	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số tổ chức hành chính bên trong trực thuộc các Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương ¹	Cơ quan, đơn vị	153	
4.1.2.	Số tổ chức liên ngành do bộ thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.	Cơ quan, đơn vị	2	
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc bộ	Cơ quan, đơn vị	85	
Trong đó	Số ĐVSN phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số ĐVSN thuộc bộ theo danh sách được Thủ tướng phê duyệt	Cơ quan, đơn vị	10	
	Số đơn vị sự nghiệp khác thuộc bộ ²	Cơ quan, đơn vị	70	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1140	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1077	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	128	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,09	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		2040	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	2386	

¹ Gồm: Các phòng trực thuộc Vụ (nếu có); các phòng và tương đương trực thuộc Cục; các vụ và tương đương trực thuộc Tổng cục.

² Bao gồm: Đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cục, tổng cục, văn phòng bộ (nếu có).

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	2040	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	50,97	
5.	Cải cách chế độ công vụ, công chức			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	16	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	85	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	07	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	1	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục thuộc	Người	5	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	bộ được bổ nhiệm mới			
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (<i>cả về Đảng và chính quyền</i>).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp bộ bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	73	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	12	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa làm = 0	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, hàng năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
7.4.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng	%	98	
7.5.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ	Văn bản	14298	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	98	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	2	
7.6.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ	Chưa có = 0 Đang xây dựng = 1 Đã hoàn thành = 2	2	
7.7.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.7.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	53	
7.7.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	54	
7.7.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	2,5	
7.7.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	33,9	